

QUY CHẾ

Thi đua, khen thưởng tỉnh Thừa Thiên Huế
(Ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2018/QĐ-UBND ngày 13 /02/2018
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nội dung, phương pháp tổ chức phong trào thi đua; đối tượng thi đua, khen thưởng; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng; trách nhiệm quản lý nhà nước và thẩm quyền quyết định khen thưởng của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn, các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân trong tỉnh; quy định chi tiết về hồ sơ, thủ tục khen thưởng, tổ chức trao thưởng; quyền lợi và nghĩa vụ của các tập thể, cá nhân, gia đình tham gia các phong trào thi đua, khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; xử lý hành vi vi phạm về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tập thể, cá nhân trong các cơ quan nhà nước; các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp; đơn vị lực lượng vũ trang; đơn vị thuộc các thành phần kinh tế; gia đình, người dân trong tỉnh, ngoài tỉnh, người Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức người nước ngoài đều có quyền tham gia các phong trào thi đua của tỉnh, đạt được thành tích tiêu biểu, xuất sắc hoặc có những đóng góp lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế được khen thưởng theo Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng thi đua

a) Tự nguyện, tự giác, công khai; đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

b) Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua; xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua. Các danh hiệu thi đua phải được đăng ký từ đầu năm và gửi về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ) trước ngày 30 tháng 3 hàng năm (ngành Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 30 tháng 11).

2. Nguyên tắc khen thưởng

Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sĩ) và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn.

Chương II

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 4. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" hoặc danh hiệu "Chiến sĩ tiên tiến" và được thực hiện như sau:

a) Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh (gọi tắt là đơn vị): Tính riêng 15% cho văn phòng sở (bao gồm các phòng chuyên môn) và từng đơn vị trực thuộc cấp sở (các ban, chi cục, trung tâm và tương đương) có tư cách pháp nhân (có con dấu, có tài khoản riêng), nhưng tổng số của toàn đơn vị không quá 15%.

b) Đối với các huyện, thị xã và thành phố Huế (gọi tắt là địa phương): Tính riêng 15% theo từng phòng, ban, trung tâm, trường, UBND cấp xã... nhưng tổng số không quá 15%.

c) Hàng năm, việc công nhận các danh hiệu thi đua và khen thưởng cho tập thể và cá nhân đối với cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ quan Phòng Giáo dục và Đào tạo, các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (gọi tắt là GDNN-GDTX) được xét đặc thù theo năm học, nhưng tỷ lệ xét các danh hiệu thi đua và khen thưởng như một sở hoặc phòng, ban trực thuộc của địa phương.

Điều 5. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Số lượng đề nghị công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được thực hiện như sau:

a) Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Công ty, doanh nghiệp; các huyện, thị xã và thành phố Huế: số lượng đề nghị công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” không quá 10% trên tổng số cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở".

b) Đối với các Trung tâm GDNN-GDTX, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Phòng Giáo dục và Đào tạo các địa phương: số lượng đề nghị công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” không quá 3% trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

Điều 6. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” căn cứ vào thực tiễn quy định, theo nguyên tắc sau:

a) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã... (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

b) Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương: tập thể lớn và các phòng, ban, chi cục, trung tâm thuộc, trực thuộc và tương đương.

c) Đối với các huyện, thị xã và thành phố Huế gồm: phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện; UBND xã, phường, thị trấn; các đơn vị sự nghiệp thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo.

d) Đối với đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh gồm: trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng.

3. Danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho các tập thể theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

Điều 7. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” căn cứ vào thực tiễn quy định, theo nguyên tắc sau:

a) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã... (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

b) Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương: tập thể lớn và các phòng, ban, chi cục, trung tâm thuộc, trực thuộc và tương đương.

c) Đối với các huyện, thị xã và thành phố Huế gồm: phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện; UBND xã, phường, thị trấn; các đơn vị sự nghiệp thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo.

d) Đối với đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh gồm: trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng.

3. Số lượng đề nghị không quá 30% trong tổng số các đơn vị trực thuộc của địa phương, đơn vị đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” và phải được xét theo từng khối thuộc một đơn vị trình (Ví dụ: UBND các

địa phương trình: Khối các cơ quan Đảng thuộc Huyện ủy; khối phòng, trung tâm; khối UBND cấp xã, phường, thị trấn; khối mặt trận, đoàn thể, hội; khối Ban công an cấp xã, phường, thị trấn...; Sở Giáo dục và Đào tạo: Khối các Trường Trung học phổ thông (gọi tắt là THPT); Phòng Giáo dục và Đào tạo các địa phương: Khối Mầm non, Khối Tiểu học, Khối Trung học cơ sở (gọi tắt là THCS) và Trung tâm GDNN-GDTX).

4. Đối với các tổ chức xã hội như: Hội Chữ thập đỏ, Hội Người mù, Liên hiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật, Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị..., UBND tỉnh xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” cho tập thể lớn, không xét công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” cho các tập thể đơn vị thành viên thuộc, trực thuộc Hội như: Hội Khoa học Lịch sử, Hội Đông y, Hội Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Hội Nhà văn, Hội Nhiếp ảnh...

5. Danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng” được xét tặng hàng năm cho các tập thể theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

Điều 8. Danh hiệu Cờ thi đua của UBND tỉnh

Cờ thi đua của UBND tỉnh được xét tặng hàng năm cho các đơn vị, địa phương đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao trong năm; nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác; tổ chức Đảng đạt trong sạch vững mạnh, các đoàn thể chính trị vững mạnh; có mô hình mới, nhân tố mới để các tập thể khác học tập.

2. Được suy tôn đơn vị dẫn đầu khối thi đua của tỉnh; dẫn đầu các cấp học thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh được UBND tỉnh xét tặng 11 cờ thi đua xuất sắc (gồm Khối Mầm non, Khối Tiểu học: mỗi khối 3 cờ, Khối THCS và Trung tâm GDNN-GDTX: 03 Cờ; Khối THPT: 2 cờ).

3. Dẫn đầu các phong trào thi đua theo chuyên đề, đối với ngành lực lượng vũ trang:

a) Đối với Công an tỉnh được xét tặng 4 cờ cho các đơn vị cơ sở trực thuộc dẫn đầu phong trào thi đua “Vì An ninh Tổ quốc” và 3 cờ cho các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” trên địa bàn tỉnh.

b) Đối với Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh được xét tặng 1 cờ cho đơn vị cơ sở trực thuộc dẫn đầu phong trào thi đua “Vì An ninh Tổ quốc” và 2 cờ cho các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua “Toàn dân Phòng cháy chữa cháy” trên địa bàn tỉnh.

c) Đối với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh được xét tặng 02 cờ cho các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua “Thực hiện nhiệm vụ quân sự - quốc phòng”.

d) Đối với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh được xét tặng 2 cờ cho các đơn vị cơ sở trực thuộc dẫn đầu phong trào thi đua “Bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, biển đảo của Tổ quốc”.

4. Dẫn đầu phong trào thi đua khôi xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã và thành phố Huế; số lượng đề nghị không quá 10% trong tổng số các xã, phường, thị trấn trực thuộc.

Tiêu chí đề nghị tặng Cờ thi đua đối với xã, phường, thị trấn:

- Tốc độ tăng trưởng vượt so với kế hoạch;
- Thu ngân sách vượt so với kế hoạch;
- Tỷ lệ sinh con thứ 3 giảm so với kế hoạch;
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm so với kế hoạch;
- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục các cấp học kể cả phổ cập mầm non trẻ 5 tuổi;
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia vượt so với kế hoạch;
- Chỉ tiêu giao quân đạt 100%;
- Gia đình đạt chuẩn văn hóa từ 85% trở lên;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm so với kế hoạch đề ra;
- Thu nhập bình quân đầu người vượt so với kế hoạch;
- Giải quyết việc làm vượt so với kế hoạch.

Ngoài các tiêu chí trên, báo cáo thành tích của xã, phường, thị trấn còn phải thể hiện rõ kết quả thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao và các công tác khác.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 9. Giấy khen

Thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 10. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Khen thưởng đột xuất: Tập thể, cá nhân có thành tích mưu trí dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt; đạt các giải trong các hội thi, hội diễn Quốc tế; giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi Olympic Quốc tế; giải nhất, nhì, ba cấp Quốc gia.

Đối với gia đình: Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp lớn về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

2. Khen đối ngoại: Cá nhân, tổ chức ngoài tỉnh và nước ngoài có thành tích tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đóng góp, ủng hộ các quỹ xã hội dưới hình thức tự nguyện; có nhiều công lao đóng góp xây dựng và phát triển tỉnh.

3. Khen thưởng theo chuyên đề: Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do UBND tỉnh hoặc bộ, ngành, đoàn thể trung ương phát động thi đua và phải gửi văn bản phát động phong trào thi

đưa về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ) ngay từ đầu năm hoặc từ khi phát động phong trào thi đua.

a) Trong một năm, Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng không quá 2 Bằng khen cho mỗi cá nhân, tập thể và không quá 2 Bằng khen đối với một chuyên đề trong hai năm liên tục.

b) Số lượng đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét khen thưởng cho một chuyên đề hàng năm hoặc sơ kết: không quá 5 tập thể và 5 cá nhân; tổng kết giai đoạn 5 năm: không quá 5 tập thể và 10 cá nhân, giai đoạn 10 năm trở lên: không quá 10 tập thể và 15 cá nhân.

Riêng khen thưởng phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" hàng năm, số lượng không quá 10 tập thể và 20 cá nhân; phong trào "Toàn dân Phòng cháy chữa cháy" hàng năm, số lượng không quá 5 tập thể và 10 cá nhân.

c) Khen thưởng đối với các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có tham gia vào các khối thi đua của UBND tỉnh, hàng năm được xét đề nghị không quá 1 tập thể và 3 cá nhân.

4. Đối với khen thưởng theo quy định khác của UBND tỉnh:

a) Khen thưởng nhân dịp kỷ niệm năm chẵn, năm tròn (5 năm, 10 năm...) ngày thành lập, UBND tỉnh xét khen thưởng cho 01 tập thể được thành lập đối với đơn vị có có tư cách pháp nhân (có con dấu, có tài khoản riêng).

b) Khen thưởng nhân dịp Đại hội nhiệm kỳ 5 năm:

- Các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Khối Mặt trận, đoàn thể, số lượng không quá 5 tập thể và 10 cá nhân;

- Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc Khối các Tổ chức xã hội, số lượng không quá 3 tập thể và 5 cá nhân.

c) Khen thưởng Festival, hiến máu nhân đạo, mô hình cụm dân cư không có người sinh con thứ 3 trở lên thực hiện theo chỉ đạo hoặc văn bản quy định của tỉnh.

d) Khen thưởng cho các tập thể có thành tích tiêu biểu tham gia các Khối thi đua của UBND tỉnh.

đ) Khen thưởng một số trường hợp khác thực hiện theo chỉ đạo hoặc văn bản quy định của tỉnh hoặc của Trung ương.

5. Khen thưởng hoàn thành nhiệm vụ công tác năm cho các tập thể, cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đối với cá nhân: Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở; đối với công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Đối với tập thể:

- Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật.

- Đối với cấp xã, tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội tốt, thực hiện tốt quy chế dân chủ, không để xảy ra khiếu kiện tập thể, không có hộ đói; đối với thôn, bản, làng, ấp, tổ dân phố phải đạt chuẩn văn hóa; đối với đơn vị sản xuất, kinh doanh phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hộ lao động đối với người lao động, chấp hành nghiêm quy định về bảo vệ môi trường, sinh thái.

c) Số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho cá nhân, tập thể hoàn thành công tác năm được quy định như sau:

- Đối với cá nhân không quá 20% trong tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nhưng tối đa không quá 10 cá nhân thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Công ty, doanh nghiệp, các huyện, thị xã và thành phố Huế, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với tập thể không quá 30% trong tổng số phòng, ban, chi cục trực thuộc hoặc tương đương hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nhưng tối đa không quá 10 tập thể thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Công ty, doanh nghiệp, các huyện, thị xã và thành phố Huế, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Riêng đối với cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Phòng Giáo dục và Đào tạo các địa phương số lượng tập thể và cá nhân đề nghị như một đơn vị, địa phương.

- Các tổ chức chính trị - xã hội như: Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên và Hội Nông dân... của xã, phường, thị trấn được đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen không quá 20% trong tổng số xã, phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã, thành phố Huế.

- Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật, Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật và Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị được đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen không quá 20% đơn vị thành viên.

6. Tỷ lệ đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh giữa cán bộ lãnh đạo và công chức, viên chức, người lao động trực tiếp được quy định như sau:

a) Công chức, viên chức, người lao động trực tiếp là 50%;

b) Cán bộ lãnh đạo cấp trưởng, phó phòng và tương đương là 30%;

c) Cán bộ lãnh đạo cấp sở; Giám đốc công ty, doanh nghiệp và tương đương là 20%.

Điều 11. Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

Thực hiện theo quy định tại Luật Thi đua, Khen thưởng và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, HỒ SƠ THỦ TỤC, TRÌNH TRÌNH, THỜI GIAN XÉT DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 12. Thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng

1. Thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng được thực hiện theo Điều 79, Điều 80 Luật Thi đua, Khen thưởng.

Ngoài ra, đối với cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quản lý của cấp xã do Chủ tịch UBND cấp xã xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” và đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

2. Về thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu thi đua đối với các tập thể, cá nhân thuộc lực lượng Công an xã, Bảo vệ dân phố.

a) Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Đơn vị tiên tiến” và đề nghị UBND tỉnh xét quyết định hoặc đề nghị Chính phủ công nhận danh hiệu thi đua theo thẩm quyền cho cá nhân, tập thể Công an xã, Bảo vệ dân phố đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

b) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Đơn vị quyết thắng”, “Cờ thi đua của UBND tỉnh” và trình Chính phủ xét quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Cờ thi đua của Chính phủ” cho cá nhân, tập thể Công an xã, Bảo vệ dân phố đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Điều 13. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng (Phụ lục kèm theo)

1. Hồ sơ, thủ tục thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh cụ thể như sau:

a) Đối với hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" (2 bản chính), gồm:

- Tờ trình của UBND huyện, thị xã, thành phố; sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương.

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của địa phương, đơn vị phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Khoa học, sáng kiến cơ sở, các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến được công nhận phải có số điểm từ 80 điểm trở lên (trừ các trường hợp được đặc cách) và phải có số phiếu đồng ý từ 80% trở lên của các thành viên Hội đồng, tính trên tổng số thành viên Hội đồng cấp đó (nếu vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

- Báo cáo thành tích của cá nhân (mẫu số 02), trong báo cáo có đóng kèm theo bản photo quyết định hoặc giấy chứng nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” 3 năm liên tục.

- Quyết định công nhận đề tài, sáng kiến.
- Danh sách trích ngang các đề tài, sáng kiến.

- Đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến (2 bản chính và 5 bản photo từ bản chính sau khi đã có nhận xét, chấm điểm và xác nhận của Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp cơ sở); Riêng đối với các cá nhân trực thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo phải có nhận xét, đánh giá, chấm điểm của Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp cơ sở và của Hội đồng Khoa học, sáng kiến các địa phương hoặc Hội đồng Khoa học, sáng kiến Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với những cá nhân thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý).

Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng các cấp gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác (nếu cần thiết). Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp có nhiệm vụ giúp người đứng đầu công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp và đề nghị các hình thức khen thưởng theo quy định.

b) Đối với hồ sơ đề nghị tặng “Cờ Thi đua của UBND tỉnh” (2 bản chính), gồm:

- Tờ trình của UBND huyện, thị xã, thành phố; sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương hoặc khối thi đua.

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của địa phương, đơn vị phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 80% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản) hoặc Biên bản bình xét của khối thi đua.

- Báo cáo thành tích tập thể (mẫu số 01). Tại thời điểm đề nghị tặng “Cờ thi đua”, đơn vị đó phải dẫn đầu khối thi đua của tỉnh; dẫn đầu các cấp học thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh; dẫn đầu khối thi đua xã, phường, thị trấn; hợp tác xã thuộc huyện, thị xã và thành phố Huế; dẫn đầu trong phong trào thi đua của khối lực lượng vũ trang.

c) Đối với hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng" và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về khen thưởng thành tích công tác năm (2 bản chính), gồm:

- Tờ trình của UBND huyện, thị xã, thành phố; sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương.

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của địa phương, đơn vị phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 80% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Khoa học, sáng kiến cơ sở, các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến được công nhận phải có số điểm từ 80 điểm trở lên (trừ các trường hợp được đặc cách) và phải có số phiếu đồng ý

từ 80% trở lên của các thành viên Hội đồng, tính trên tổng số thành viên Hội đồng cấp đó (nếu vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

- Báo cáo thành tích của tập thể hoặc cá nhân đề nghị khen thưởng (tập thể theo mẫu số 01, cá nhân theo mẫu số 02), trong báo cáo có đóng kèm theo bản photocopy chứng nhận (quyết định) hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm liên tục.

- Quyết định công nhận đề tài, sáng kiến.

- Quyết định, Thông báo hoặc văn bản khác có liên quan đánh giá mức độ hoàn thành thành nhiệm vụ.

- Quyết định công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng.

- Bảng tổng hợp danh hiệu thi đua (mẫu số 10).

d) Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về chuyên đề, khen thưởng khác theo quy định của UBND tỉnh (2 bản chính):

- Tờ trình của UBND huyện, thị xã, thành phố; sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương.

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của địa phương, đơn vị phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 80% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân (mẫu số 07).

đ) Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về đột xuất (2 bản chính):

- Tờ trình của UBND huyện, thị xã, thành phố; sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương.

- Báo cáo thành tích khen thưởng đột xuất (mẫu số 06) hoặc trích ngang thành tích của tập thể, cá nhân.

e) Bảng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về đối ngoại (2 bản chính):

- Tờ trình của UBND huyện, thị xã, thành phố; sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương.

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của địa phương, đơn vị.

- Báo cáo thành tích khen thưởng đối ngoại (mẫu số 08, 09) hoặc trích ngang thành tích của tập thể, cá nhân.

- Khi nhận được hồ sơ khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có yếu tố nước ngoài, Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ có trách nhiệm lấy ý kiến hiệp y của các cơ quan liên quan.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với cá nhân (ngư dân, đồng bào dân tộc ít người, nông dân, công nhân...), tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện đề nghị khen thưởng (2 bản chính), gồm:

- Tờ trình của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện đề nghị khen thưởng.

- Trích ngang thành tích do cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thực hiện.

3. Hồ sơ đề nghị các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước:

Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước gồm:

a) Tờ trình của địa phương, đơn vị, của tỉnh (2 bản chính).

b) Biên bản (2 bản chính).

- Kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của địa phương, đơn vị và của tỉnh phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 80% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

- Trường hợp đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng của địa phương, đơn vị và của tỉnh từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên Hội đồng cấp đó (nếu vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

c) Biên bản (2 bản chính).

- Kết quả bỏ phiếu kín xét duyệt sáng kiến của Hội đồng xét duyệt công nhận sáng kiến cấp cơ sở, cấp tỉnh công nhận các đề tài đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước phải có số điểm từ 80 điểm trở lên và phải có số phiếu đồng ý từ 80% trở lên;

- Trường hợp đề nghị phong tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải có số điểm từ 90 điểm trở lên và phải có số phiếu đồng ý từ 90% trở lên của các thành viên Hội đồng, tính trên tổng số thành viên Hội đồng cấp đó (nếu vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản)

d) Chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học hoặc sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu trong trường hợp đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” (2 bản chính)

đ) Báo cáo thành tích: 6 bản chính (riêng đối với đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, báo cáo thành tích là 6 bản chính, 22 bản photocopy).

Tập thể, cá nhân làm báo cáo thành tích và hồ sơ có liên quan theo mẫu tại Phụ lục kèm theo Quy chế này để nộp cơ quan, tổ chức quyết định khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

- Đối với hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”:

+ Báo cáo thành tích (mẫu số 02), trong báo cáo có đóng kèm theo bản photocopy quyết định hoặc giấy chứng nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” 2 lần liên tục.

+ Đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến phải có ảnh hưởng trong phạm vi toàn quốc (trong giai đoạn đề nghị xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc) có ký tên của cá nhân và xác nhận của Hội đồng xét duyệt công nhận sáng kiến cấp cơ sở và Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh (6 bản chính và 10 bản photocopy từ bản chính khi đã có ý kiến nhận xét và xác nhận của Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp cơ sở).

- Đối với hồ sơ đề nghị tặng “Cờ Thi đua của Chính phủ”:

+ Báo cáo thành tích (mẫu số 01): Trong báo cáo có đóng kèm theo bản photocopy quyết định tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh.

+ Trong phần báo cáo phải khai nổi bật thành tích năm đề nghị tặng Cờ thi đua (có so sánh với thành tích năm trước). Kết thúc báo cáo phải có câu “là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua khối... năm... và được UBND tỉnh đề nghị tặng Cờ thi đua Chính phủ năm ...”.

- Đối với hồ sơ đề nghị tặng Bằng khen Thủ tướng Chính phủ:

+ Báo cáo thành tích tập thể (mẫu số 01).

+ Báo cáo thành tích cá nhân (mẫu số 02), trong báo cáo thành tích ghi rõ tên của các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến; hiệu quả và khả năng áp dụng, nhân rộng, Quyết định công nhận các đề tài, sáng kiến của Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp cơ sở.

- Đối với hồ sơ đề nghị tặng thưởng Huân chương các loại:

+ Báo cáo thành tích tập thể (mẫu số 01).

+ Báo cáo thành tích cá nhân (mẫu số 02), trong báo cáo thành tích ghi rõ tên của các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến; hiệu quả và khả năng áp dụng, nhân rộng, Quyết định công nhận các đề tài, sáng kiến của Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp tỉnh.

- Đối với hồ sơ đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động:

+ Báo cáo thành tích tập thể (mẫu số 04).

+ Báo cáo thành tích cá nhân (mẫu số 05).

4. Các danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thực hiện theo Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định và hướng dẫn của ngành dọc cấp trên.

5. Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích kháng chiến: Được thực hiện theo hướng dẫn riêng của Trung ương.

Điều 14. Một số quy định khác

1. Thẻ thức và kỹ thuật trình bày các văn bản và báo cáo thành tích phải được thể hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

2. Quy định số lượng đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, khen thưởng cấp Nhà nước từ hình thức Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Cờ thi đua của Chính phủ và Huân chương các hạng như sau:

a) Cá nhân: Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Công ty, doanh nghiệp; các huyện, thị xã và thành phố Huế; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Phòng Giáo dục và Đào tạo các địa phương: số lượng đề nghị không quá 10% trong tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

b) Tập thể: Đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Công ty, doanh nghiệp; các huyện, thị xã và thành phố Huế; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở

Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Phòng Giáo dục và Đào tạo các địa phương: số lượng đề nghị không quá 20% trên tổng số phòng, ban, chi cục trực thuộc hoặc tương đương hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

c) Hàng năm, UBND tỉnh xét chọn 1 đơn vị trong số các đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua khối xã, phường, thị trấn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm và 1 Hợp tác xã trên địa bàn toàn tỉnh đạt tiêu chuẩn “Cờ thi đua của UBND tỉnh” để xem xét, trình “Cờ thi đua Chính phủ”.

3. Các tập thể, cá nhân được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen hoàn thành nhiệm vụ công tác năm thì sau 2 năm mới xét đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen hoàn thành nhiệm vụ công tác năm hoặc công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

4. Các cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” thì sau 2 năm mới đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen, Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương các hạng về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm.

5. Trong cùng một thời điểm, UBND tỉnh chỉ xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích hoàn thành nhiệm vụ công tác năm hoặc công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; UBND tỉnh không xét đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước (trừ Chiến sĩ thi đua toàn quốc) đối với các tập thể, cá nhân vừa đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích hoàn thành nhiệm vụ công tác năm hoặc “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

6. Khi trình Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức Trung ương, UBND tỉnh, phải đồng thời gửi các file điện tử của hồ sơ đến Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước.

7. Nguyên tắc tính số lượng cá nhân, tập thể: số lẻ 0,5 trở lên làm tròn thành 01.

Điều 15. Quy định về tuyển trình khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 46, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Việc đề nghị các hình thức khen thưởng đối với tổ chức và cá nhân làm công tác đảng, đoàn thể thực hiện theo quy định sau:

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc Chủ tịch UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

b) Tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định khen thưởng hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách ở các cấp thực hiện theo quy định sau:

a) Cấp tỉnh do Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

b) Cấp huyện do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch UBND cấp huyện khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

4. Việc khen thưởng đại biểu Quốc hội chuyên trách cấp tỉnh do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

5. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ:

a) Khen thưởng cho các trường hợp cán bộ thuộc diện cấp ủy Đảng quản lý;

b) Cán bộ là Hiệu trưởng các Trường Đại học thành viên thuộc Đại học Huế; cấp phó của các cơ quan trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn;

c) Các hình thức khen thưởng: “Huân chương Sao Vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập” (các hạng), danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Nghệ sỹ nhân dân”, “Nghệ nhân nhân dân”, danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”;

d) Các hình thức khen thưởng khác thực hiện theo quy định tại các văn bản có liên quan.

6. Cấp nào được UBND tỉnh giao chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề thì cấp đó khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng. Cấp nào tham mưu UBND tỉnh kế hoạch và các văn bản liên quan đến việc tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào thi đua thì cấp đó xét trình cấp trên khen thưởng.

7. Trường hợp khen thưởng đột xuất gương hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, truy bắt tội phạm trong phạm vi địa phương, đơn vị nào thì địa phương, đơn vị đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng (không phân biệt người đó cư trú, sinh hoạt ở trong hay ngoài địa phương, đơn vị).

8. Về hiệp y khen thưởng: thực hiện theo Điều 47 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 16. Thời gian trình và xử lý hồ sơ khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng hàng năm gửi về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ) chậm nhất ngày 15 tháng 01 năm sau; riêng khen thưởng theo năm học của ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15 tháng 7 hàng năm.

Riêng hồ sơ đề nghị Cờ thi đua của UBND tỉnh đối với khối xã, phường, thị trấn và hợp tác xã gửi về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ) chậm nhất ngày 05 tháng 12 hàng năm.

2. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng hàng năm gửi về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ) chậm nhất ngày 30 tháng 01 năm sau; khen thưởng năm học ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 7.

Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ, đề nghị Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” được xét 5 năm một lần và gửi về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ) chậm nhất ngày 31 tháng 10 năm liền kề của năm tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc, trừ những trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng trong phạm vi không quá 5 ngày làm việc, trường hợp có lấy ý kiến hiệp ý của các cơ quan liên quan không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Trong trường hợp không tham mưu, đề xuất trình cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng thì phải có văn bản thông báo cho đơn vị trình biết và nêu rõ lý do thông báo trong thời gian không quá 5 ngày làm việc hoặc thông báo theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Điều 17. Việc thẩm định đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến đề nghị công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” và đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước

Thực hiện theo quy định của Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh.

Giao trách nhiệm cho Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ (cơ quan thường trực của Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh) phối hợp với các cơ quan liên quan (*nếu cần thiết*) để tổng hợp, tham mưu Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh xem xét, ban hành quyết định công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến đề có cơ sở trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng.

Điều 18. Nghi thức tổ chức trao tặng và đón nhận khen thưởng

Thực hiện theo các quy định tại Nghị định 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ, đảm bảo yêu cầu trang trọng, thiết thực, tạo sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục thi đua lập thành tích cao hơn.

Không tổ chức đón rước các hình thức khen thưởng từ cấp này, địa điểm này đến cấp khác, địa điểm khác. Không tổ chức tiệc mừng nhân dịp lễ đón nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng. Cơ quan lãnh đạo địa phương và cơ quan cấp trên trực tiếp được tặng hoa chúc mừng đối với đơn vị cấp dưới, cấp dưới không tặng hoa chúc mừng cấp trên, các cơ quan khác không được sử dụng tiền từ ngân sách nhà nước cấp để tặng hoa, quà tại buổi lễ.

Mỗi trường hợp được khen thưởng chỉ trao tặng và đón nhận một lần ở một cấp xét thấy có tác dụng giáo dục nêu gương tốt nhất (trường hợp cần thiết phải được sự đồng ý của UBND tỉnh).

Nếu có nhiều trường hợp được tặng thưởng trong cùng một khoảng thời gian thì tổ chức trao tặng và đón nhận chung trong một buổi lễ; nếu trong

khoảng thời gian đó có ngày kỷ niệm của địa phương, đơn vị, ngày lễ lớn của đất nước thì tổ chức trao tặng kết hợp trong buổi lễ kỷ niệm. Các trường hợp khen thưởng đột xuất do đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng trực tiếp.

Điều 19. Mẫu Cờ, mẫu giấy khen, bằng khen, bằng chứng nhận

Thực hiện theo Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ.

Điều 20. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc cấp tỉnh.

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thuộc cấp tỉnh là cơ quan tham mưu cho cấp ủy, chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương.

2. Thành phần Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương;

b) Hội đồng có từ 01 hoặc 02 Phó Chủ tịch. Các Phó Chủ tịch và các ủy viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Thủ trưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn;

c) Tham mưu cho Thủ trưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng;

d) Tham mưu cho Thủ trưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

4. Phòng Nội vụ các huyện, thị xã và thành phố Huế là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện và Trưởng phòng Phòng Nội vụ cấp huyện làm Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng.

Chương V

QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ ĐƯỢC TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 21. Quyền lợi

Thực hiện theo Điều 76, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Cá nhân, tập thể được công nhận các danh hiệu thi đua và được khen thưởng được nhận giấy chứng nhận, khung, bằng, hiện vật, tiền thưởng hoặc vật phẩm lưu niệm kèm theo và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của Nhà nước.

Điều 22. Nghĩa vụ

Thực hiện theo Điều 77, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 23. Trách nhiệm

1. Trường hợp gian dối trong tổ chức phong trào thi đua và kê khai, xác nhận thành tích để được khen thưởng; trường hợp khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Thủ tục hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu thực hiện theo Điều 78, 79 Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Ngoài các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được quy định trong quy chế này, các đơn vị, địa phương có thể có các hình thức động viên khác nhưng không trái với quy định của pháp luật hiện hành về thi đua, khen thưởng.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ có trách nhiệm tiếp nhận bằng, hiện vật khen thưởng của tỉnh, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước trao tặng cho các tập thể, cá nhân theo quy định.

Chương VI**QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG, MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG****Điều 24. Nguồn và mức trích quỹ**

Thực hiện theo theo Điều 65 Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính.

Điều 25. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Thực hiện theo theo Điều 66 Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để chi:

a) Chi thưởng theo các quyết định khen thưởng.
b) Chi nghiệp vụ gồm: in giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, làm hồ sơ khen thưởng; viết bằng, làm khung bằng, thêu cờ, trướng, làm hiện vật khen thưởng.

c) Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng.

3. Mức chi thực hiện theo quy định tài chính hiện hành.

4. Cá nhân, tổ chức có thành tích tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội dưới hình thức tự nguyện; người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, tập thể người nước ngoài được khen thưởng không kèm theo tiền thưởng, trường hợp cần thiết kèm theo tặng phẩm lưu niệm hoặc Huy hiệu “Người tốt - việc tốt”.

Điều 26. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ quản lý; quỹ thi đua, khen thưởng của huyện, UBND cấp huyện ủy quyền cho Phòng Nội vụ quản lý; quỹ thi đua, khen thưởng của ngành, đơn vị do thủ trưởng đơn vị quản lý; quỹ thi đua, khen thưởng của cấp xã do UBND xã quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng quy định.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng đồng thời chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng do cấp mình quản lý.

3. Khen thưởng các chương trình mục tiêu được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình, trường hợp nguồn kinh phí chương trình mục tiêu không được trích thưởng thì mới được chi thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 27. Mức tiền thưởng

Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 69, 70, 71, 72, 73, 74 Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, Giám đốc các doanh nghiệp và Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện.

2. Giao trách nhiệm cho Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) tham mưu giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Cao